

TIỀN ĐÚC THỜI XƯA Ở VIỆT NAM QUA GHI CHÉP CỦA HỒNG TUÂN VỀ ĐỒNG TIỀN THỜI ĐÌNH - LÊ TRONG SÁCH *TUYÊN CHÍ*

VU HƯỚNG ĐÔNG*

Quan hệ lịch sử văn hóa thời cổ đại giữa hai nước Trung - Việt rất khăng khít, có thể thấy điều này phần nào qua văn hóa tiền tệ mà chế độ đúc tiền là tiêu biểu. Thời Hán, thời Đường, trong khoảng thời gian hơn một ngàn năm, Việt Nam bị các vương triều phong kiến Trung Quốc thống trị, một thời kỳ dài đã sử dụng tiền đúc của Trung Quốc. Sau khi vương triều phong kiến Đinh - Lê ra đời, Việt Nam phát triển chế độ đúc tiền riêng và văn hóa tiền tệ giống như Trung Quốc nhưng lại rất đặc sắc. Nhưng do sách vở của Việt Nam ra đời muộn màng, ghi chép về tiền đúc thời xưa ở Việt Nam không dễ tìm kiếm, khiến mọi người khó hình dung diện mạo đồng tiền đúc ấy ra sao. Văn hóa tiền tệ cổ đại của Trung Quốc lại khá phát triển, ngoài chế độ đúc tiền, thư pháp văn tự trên đồng tiền, kỹ thuật công nghệ đúc tiền v.v..., còn xuất hiện khá sớm những tác phẩm chuyên nói về văn hóa tiền tệ một cách có hệ thống. Trong đó, tác phẩm tiêu biểu nhất, ảnh hưởng sâu sắc nhất, đáng kể là cuốn *Tuyên chí* của học giả Hồng Tuân đời Tống. Trong cuốn sách này, những ghi chép về tiền tệ triều Đinh - Lê có thể phần nào bù đắp điều đáng tiếc sử liệu

có liên quan còn thiếu thốn trong sử sách Trung cổ Việt Nam.

Hồng Tuân (1120 - 1170) quê ở Bá Dương nay thuộc Ba Dương tỉnh Giang Tây, tên tự Cảnh Nghiêm, hiệu Tiểu Ẩn, thụy hiệu Văn An. Thân phụ của ông là Hồng Hạo (1088 - 1155), từng làm quan thời kỳ đầu triều Nam Tống, cũng là nhà sử học. Hồng Hạo một thời sai đi sứ triều Kim, bị giữ ở đó mất 15 năm, mãi cho tới khi Tống và Kim nghị hòa, ông mới được trở về nước. Năm gần đây, thành phố Nam Xương tỉnh Giang Tây tu bổ lầu Đẳng Vương Các một trong bốn ngôi lầu nổi tiếng của Trung Quốc, trên bức tranh bích họa vẽ rất nhiều chân dung các nhân vật lịch sử của Giang Tây, trong đó có Hồng Hạo. Ba người con trai họ Hồng là Hồng Quác (tự Cảnh Bá), Hồng Mai (tự Cảnh Lô), Hồng Tuân đều là tri thức uyên bác, văn chương của họ ý tứ nhạy bén, kiến thức rộng rãi, họ lần lượt kể trước nhạc sĩ sau đỗ khoa Bác học hoành từ, người thời bấy giờ khen "ba Hồng nổi danh văn học khắp thiên hạ". Hồng Quác làm quan đến chức Tế tướng, Hồng Mai là nhà văn nổi tiếng, Hồng Tuân làm quan đến chức Đồng tri Xu mật viện sự, làm Tư chính điện học sĩ.

*GS. Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam, Đại học Trịnh Châu, Hà Nam, Trung Quốc.

Thuở còn thơ ấu, Hồng Tuân theo cha lên sống ở Nhiêu Châu, Giang Tây, nơi đây là trung tâm đúc tiền đồng quan trọng nhất thời Nam Tống, triều đình đã xây dựng ở đây một cơ quan chuyên phụ trách khai khoáng để đúc tiền - Ty đề điểm đúc tiền. Lúc tuổi còn trẻ, Hồng Tuân đã thích thú với việc đúc tiền và say mê nghiên cứu chế độ đúc tiền của các thời đại. Thời Tống Cao Tông, Ty chỉ đạo đúc tiền thường hay xích mích với quan chức địa phương nên bị xóa sổ, việc đúc tiền bèn giao cho Bộ Hộ nắm giữ. Sau khi Hồng Tuân làm quan trong triều, ông nhiều lần kiến nghị khôi phục Ty đề điểm đúc tiền và cải cách chế độ đúc tiền, trong đó có nhiều kiến nghị được vua tiếp thu.

Khoảng năm 30 tuổi, Hồng Tuân đã sưu tập được hơn 100 đồng tiền các loại, ông bèn khảo các truyện kỳ trong sử sách và các ghi chép trong dã sử, tham khảo những trước tác của người khác nghiên cứu về tiền tệ, rồi soạn nên tác phẩm *Tuyên chí*. Tác phẩm này có tất cả 15 quyển, tập hợp ghi chép các loại tiền của các triều đại từ Tống trở về trước, phân loại chúng ra thành 9 loại, như loại tiền dùng chính thức, loại tiền giả, loại tiền không rõ niên đại, loại tiền hình chữ "đao" chữ "bố", loại tiền của nước ngoài v.v... Chữ "tuyên" ở đây có nghĩa là "tiền". Người xưa mong rằng tiền sẽ như suối tuôn, nguồn suối không bao giờ cạn, nên gọi tiền là suối. "Tuyên chí" tức là "Tiền chí" cũng có thể gọi là "Tiền phủ" - Những ghi chép về tiền tệ. Việt Nam ở thời kỳ cổ đại cũng giống như Trung Quốc, gọi tiền là tuyên. Triều Nguyễn đã từng đặt ra Cục bảo tuyên, nắm giữ việc đúc tiền. Cuốn "Tuyên chí" có hai đặc điểm lớn. Một là, số lượng tiền tệ ghi chép ở đây khá lớn, thu thập được tất cả hơn 300 đồng tiền (kể

cả vật thực và hình vẽ) của Trung Quốc và nước ngoài từ thời Tống trở về trước, trong đó bao gồm cả một số tiền tệ từng lưu hành ở các nước láng giềng xung quanh như Nhật Bản, Việt Nam, nói chung ít được các nhà nghiên cứu tiền tệ coi trọng; Hai là, không chỉ lấy vật thực tiền tệ nhiều để làm cơ sở, mà còn đọc, tham khảo các loại sử sách đương thời để xem xét phân tích một cách kỹ lưỡng, sửa chữa rất nhiều chỗ ghi chép nhầm lẫn hoặc cách nhìn nhận sai lệch của người trước, nhất là việc trình bày và phân tích tiền tệ đời Tống rất kỹ càng. Đời Tống là một thời kỳ quan trọng của quá trình phát triển tiền tệ học Trung Quốc, nhiều trước tác tiền tệ học ra đời. Nhưng do nhiều trước tác nói về tiền tệ đã bị thất lạc, cuốn *Tuyên chí* còn lại đến ngày nay là trước tác sớm nhất, rất hệ thống, rất đáng tin cậy. Đến đời Thanh, người ta còn cho ra đời những công trình tiếp tục bổ sung, vẫn lấy *Tuyên chí* làm tên sách. *Tuyên chí* lưu truyền khá rộng rãi, trong một số tùng thư thường thấy như *Tùng thư tập thành*, rất dễ tìm thấy *Tuyên chí*. Ngoài *Tuyên chí* ra, Hồng Tuân còn viết các tác phẩm *Hàn uyển quân thư*, *Đông Dương chí* và các văn tập khác.

Tuyên chí, có thể nói, đó là một bộ tiền phủ các nước trên thế giới mà đương thời Hồng Tuân biết được.

Trong 15 quyển của cuốn sách, có 3 quyển chuyên miêu tả tiền tệ nước ngoài, trong đó có cả tiền Việt Nam. Tuy hiểu biết của Hồng Tuân về lịch sử Việt Nam rất hạn chế, những đồng tiền đúc của Việt Nam ông ghi chép nhưng ông không biết là nước nào đúc, không biết niên đại cụ thể, nhưng ông ghi chép và khảo chứng khá kỹ càng về các mặt hình thức to nhỏ, phẩm chất trọng lượng, cách đọc chữ trên đồng

tiền của mấy đồng tiền đúc thời Đinh - Lê, đó là những ghi chép và nghiên cứu, suy xét ở thời gian rất gần với thời gian xuất hiện của những đồng tiền đúc này, cung cấp tư liệu rất có giá trị cho những người đời sau muốn tìm hiểu và nghiên cứu thêm tiền đúc thời xưa của Việt Nam. Hiện nay, một số chuyên gia Việt Nam nghiên cứu tiền tệ học, mặc dù thừa nhận trong sử sách Trung Quốc cổ đại như *Sử ký - Bình Chuẩn thư, Hán thư - Thực hóa chí*, những ghi chép về tiền đúc hoặc kinh tế tiền tệ là "tương đối sung túc" và "theo đó hình thành một truyền thống" (1), nhưng lại rất ít người sử dụng hoặc bàn đến những ghi chép của Hồng Tuân về tiền tệ Việt Nam (2).

Những ghi chép về tiền tệ thời xưa của Việt Nam trong cuốn *Tuyên chí*, tập trung ở quyển 7 và quyển 11, có nói đến 5 đồng tiền đúc triều Đinh - Lê. Trong đó, quyển 7 ghi chép 4 đồng tiền không biết niên đại, quyển 11 ghi chép 1 đồng tiền nước ngoài:

1. *Đại Hưng tiền*: "Đồng tiền này đường kính 8 phân, nặng 4 thù, chữ ghi trên mặt tiền là Đại Hưng bình bảo". Lưng đồng tiền này có một chữ "Đinh", Hồng Tuân nói rằng "Đồng tiền này đời nay thấy rất nhiều", chữ ở lưng đồng tiền không có định, "đồng thì chữ ở phía trên lỗ, đồng thì chữ ở phía dưới lỗ" (3).
2. *Thái Hưng tiền*: Hồng Tuân dẫn những ghi chép của tiền nhân, nói rằng đồng tiền này "chữ đề là Thái Hưng bình bảo, nghi là thời Ngũ Đại tiếm xưng rồi đúc tiền giả" (4).
3. *Thiên Tiên tiền*: Đồng tiền này "đường kính 8 phân, nặng 3 thù 7 tham, trên đó đề chữ Thiên Tiên thông bảo, hai chữ "thông bảo" đặt ngược... chữ 'Đinh' ở lưng đồng tiền nằm sau lưng chữ 'thông'..." (5).
4. *Giao Chỉ quốc Lê tự tiền*: Hồng Tuân dẫn lời quan Bí thư thừa Chu Chính Thần, nói

rằng thấy "nhiều nhà buôn nước ngoài sang Giao Châu buôn bán, mang đồng tiền có chữ Lê về Quảng Châu, "làm rối loạn phép tắc trong nước". Mặt đồng tiền này chỉ có một chữ Lê ở phía dưới lỗ (6).

5. *Thiên Trấn tiền*: Họ Hồng dẫn lời của Lý Hiếu Mỹ nói rằng đồng tiền này đường kính 8 phân, nặng 4 thù 6 tham, "có chữ đề Thiên Trấn phúc bảo", đồng thời cũng dẫn lời của Đồng Quỳnh nói rằng "Thiên Phúc là niên hiệu của Thạch Tấn, tiền đúc đương thời có đồng Thiên Phúc trấn bảo, mấy chữ trên đồng tiền thấy chép trong sử cũ nhà Tấn". Qua đây có thể thấy rằng, họ Đồng đã đọc chéo mấy chữ trên đồng tiền thành ra "Thiên Phúc trấn bảo", chứ không đọc vòng "Thiên Trấn phúc bảo". Họ Hồng còn nói, lưng đồng tiền này phía trên lỗ có chữ Lê, qui cách chữ trên đó cũng khác với chữ trên đồng tiền Thiên Phúc niên hiệu Thạch Tấn, chẳng phải chờ đợi, nay thấy rất nhiều [đồng tiền này]" (7). Ngoài 5 loại kể trên, còn có đồng Thiên Sách tiền, đường kính 1 tấc 7 phân nặng 30 thù 2 tham, Hồng Tuân cũng theo quan điểm của người khác, cho rằng chữ trên đồng tiền này phải đọc vòng là "Thiên Sách phủ bảo", tiền được đúc ở Hồ Nam thời Sở vương Mã Ân [852 - 930] (8). Chúng tôi cho rằng, đồng tiền này có liên quan gì đến tiền cổ Việt Nam hay không, còn cần phải nghiên cứu thêm.

Chúng tôi nghĩ rằng, ngoài những đồng tiền có chữ Lê mà họ Hồng nói tới và chỉ rõ là của "nước Giao Chỉ" ra, mấy đồng tiền khác cũng đều là tiền đồng do Việt Nam đúc. Thực tế thì, lúc bấy giờ, Hồng Tuân có khả năng thu thập được một số vật thực tiền tệ Việt Nam, những ghi chép có liên quan và bước đầu nghiên cứu của ông có thể giúp chúng ta phân tích một số chi tiết về lịch sử tiền tệ thời xưa của Việt

Nam, đặc biệt là tiền tệ thời Đinh - Lê và một vài tình hình phát triển kinh tế xã hội phong kiến Việt Nam đương thời. Ở đây, chúng tôi chủ yếu thảo luận hai vấn đề.

1. Vấn đề thời gian Việt Nam bắt đầu tự đúc tiền

Trong lịch sử, Việt Nam từng bị các vương triều phong kiến trung ương Trung Quốc thống trị, "thời đại quận huyện" hay "thời kỳ Bắc thuộc" dài hàng ngàn năm từ thời Hán đến thời Đường, Việt Nam chưa có tiền đúc riêng. Thời kỳ Ngũ Đại Thập Quốc cuối thời Đường, đất trung nguyên loạn lạc, thế lực cát cứ các địa phương nổi lên như ong, tiền thống nhất dưới chế độ tập quyền quyền đúc trung ương cũng theo đó tiêu tan. "Chính quyền cát cứ các nước thường dùng tiền cũ thời Đường, cũng có nơi tự đúc tiền" (9). Bấy giờ, vùng đất phương Nam đời Đường tiếp cận với An Nam, như đất Mãn, Nam Hán đều có tiền đúc của mình. Năm 968, Việt Nam hình thành triều Đinh (968 - 980), tiếp đó là triều Tiền Lê (980 - 1009). Vương triều phong kiến ra đời đặt nền móng cho sự xuất hiện chế độ đúc tiền độc lập của Việt Nam.

Về thời gian cụ thể của sự xuất hiện tiền đúc riêng của Việt Nam, học giả Trung Quốc đưa ra mấy quan điểm: thời Ngô Quyền, triều Đinh, triều Tiền Lê. Quan điểm thứ nhất, nói rằng thời Ngô Quyền đã có "Minh Đạo tiền" trùng tên với tiền triều Lý về sau và có đồng tiền được đúc bởi phương đúc tiền thủ công do quan phương đặt ra (10). Thuyết này dẫn sử liệu có sai lầm nghiêm trọng, luận chứng không đứng vững, vấn đề này chúng tôi đã phân tích biện bác (11). Quan điểm thứ hai nói đồng tiền "cổ nhất truyền nhiều đời" của Việt Nam là "Thiên Phúc trấn bảo" thời Tiền Lê, và dựa vào sử sách Việt

Nam để cho rằng đó là "khởi đầu tiền tệ Việt Nam" (12). Quan điểm thứ ba cho rằng Việt Nam đúc tiền riêng bắt đầu từ triều Đinh. Thuyết này được chúng tôi tán đồng, có cùng quan điểm với các học giả Việt Nam nghiên cứu về lịch sử tiền tệ như Đỗ Văn Ninh, Nguyễn Đình Chiến, cũng được những ghi chép của Hồng Tuân trong *Tuyên chí* chứng minh.

Do hiểu biết không nhiều về lịch sử Việt Nam, Hồng Tuân không biết nguồn gốc xuất xứ "Đại Hưng tiền", "Thái Hưng tiền" mà mình đã ghi chép, mô tả, cho nên đã xếp chúng vào trong "loại không biết niên đại", cho rằng đó là loại "tiền nguy thời Ngũ Đại", mà còn đọc vòng văn tự trên đồng tiền, nhầm thành "Đại Hưng bình bảo". Nhà tiền học đời Thanh cho rằng chữ "đại" và chữ "thái" thông nghĩa nhau, chữ trên đồng tiền Đại (Thái) Hưng tiền mà họ Hồng ghi chép phải đọc chéo là "Thái Bình hưng bảo", và cho đó là đồng tiền thời Tống Thái Tông (13). Chúng tôi tán thành chữ trên đồng tiền đó phải đọc chéo, nhưng không đồng ý thuyết cho rằng "Đại Hưng tiền" là tiền thời Tống Thái Tông. Trên thực tế, Đại Hưng tiền hay Thái Hưng tiền chính là "Thái Bình hưng bảo", được đúc vào những năm thuộc niên hiệu Thái Bình triều Đinh (970 - 980). "Thái Bình hưng bảo" xuất hiện chính là sự khởi đầu việc đúc tiền riêng của vương triều phong kiến Việt Nam thời Trung cổ. Nhà Đinh ở ngôi không được bao lâu đã bị nhà Tiền Lê thay thế. Sau khi triều Tiền Lê được thiết lập, tiếp tục đúc tiền riêng, đó là "đồng tiền có chữ Lê của nước Giao Chỉ" và đồng tiền "Thiên Phúc trấn bảo" có chữ Lê ở lưng tiền mà Hồng Tuân đã ghi chép rõ ràng. Hai loại đồng tiền này được đúc vào những năm thuộc niên hiệu Thiên Phúc thời Lê Hoàn trị vì (980 - 988).

Từ những ghi chép của họ Hồng, chúng ta có thể thấy được mấy đặc trưng không thể xem nhẹ về vấn đề mới đầu tư đúc tiền ở Việt Nam dưới thời Đinh - Lê. Một là, đưa niên hiệu đế vương, như Thái Bình, Thiên Phúc vào chữ trên đồng tiền; hai là khắc ghi tên họ của đế vương chúng tỏ thay đổi triều đại như Đinh, Lê vào lưng đồng tiền; ba là trong văn tự ghi trên đồng tiền chứa đựng hàm nghĩa "độc lập", như "hung" có nghĩa vươn dậy, vươn cao, "trần" có nghĩa thống hạt, thống trị. Dẫu rằng Việt Nam chưa thoát khỏi ảnh hưởng văn hóa tiền tệ Trung Quốc, vẫn theo hình thức đúc tiền của Trung Quốc, nhưng hàm chứa trong đó có sự thay đổi về chất, đặt nền tảng cho sự phát triển văn hóa tiền tệ sau này.

Còn về "Thiên Sách tiền" mà họ Hồng ghi chép, không biết có liên quan gì đến lịch sử thời Ngô Quyền hay không? Hồng Tuân cho rằng, nói đồng tiền đó được đúc thời Sở Vương Mã Ân, có thể "sử sách thất truyền". Về sau, vào đời Thanh, cũng có nhà tiền học dường như hoài nghi (14). Chúng ta biết rằng, trước khi triều Đinh được dựng lên, bậc hào hữu Ái Châu là Ngô Quyền đã thoát khỏi sự khống chế của chính quyền họ Lưu triều Nam Hán, một độ xưng vương, cũng có học giả coi Ngô Quyền là người sớm nhất xây dựng vương triều phong kiến độc lập của Việt Nam. Nhưng Ngô Quyền vẫn dùng niên hiệu Thiên Phúc của nhà Hậu Tấn, thời gian mà ông trị vì quá ngắn ngủi, năm 944 ông bị bệnh rồi mất. Sau khi Ngô Quyền mất, con trai ông là Xương Ngập tự xưng là Thiên Sách vương, đến năm 954 thì chết. "Thiên Sách tiền" với Ngô Xương Ngập có mối liên hệ gì không? Nếu có, thì thời trung cổ Việt Nam bắt đầu đúc tiền có thể đẩy ngược lên một vài chục năm nữa. Nhưng giới học thuật nói chung cho rằng,

trước triều Đinh, Việt Nam chưa có ghi chép gì về vấn đề tiền tệ. Nhưng từ những ghi chép của họ Hồng, xét thấy, "Thiên Sách tiền" nặng tới hơn 30 thù, cũng không giống loại tiền để trao đổi lưu thông bình thường. Dù sao chăng nữa, chúng ta vẫn cho rằng, việc đúc *Thái Bình hưng bảo* ở triều Đinh đánh dấu Việt Nam thời phong kiến đã bắt đầu tự đúc tiền riêng.

Điều cần phải nói rõ thêm là, về thời gian vương triều phong kiến Việt Nam bắt đầu đúc tiền riêng, các ghi chép của sử cũ Việt Nam cơ bản cho là từ triều Tiên Lê. Còn chính sử Việt Nam chép việc đúc tiền khởi đầu từ niên hiệu Thiên Phúc triều Tiên Lê, năm thứ 5 niên hiệu Thiên Phúc (năm đầu niên hiệu Ung Hy đời Tống - năm 984) "mùa xuân tháng 2, đúc tiền Thiên Phúc" (15). Sử cũ Việt Nam sử dĩ không ghi chép việc đúc tiền của triều Đinh, có thể do mấy nguyên nhân. Một là, việc biên soạn sử sách Việt Nam ra đời khá muộn. Sách *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu hình thành vào giao thời của thế kỷ XIII với thế kỷ XIV, cách thời gian triều Đinh phát hành tiền đúc khoảng 300 năm; hơn nữa, sách vở ghi chép lại thiếu sót, sơ sài, nhà chép sử xưa khi ghi lại lịch sử dễ bỏ qua sự thật lịch sử phát hành tiền đúc. Có lẽ sử sách thời xưa của Việt Nam bị mất mát nhiều, dù nhà chép sử từng đề cập đến tiền đúc, người đời sau cũng khó biết được. Hai là, sử sách Cổ đại Việt Nam phần lớn chép theo lối ký sự biên niên, chú trọng khung phát triển chiều dọc, chú trọng lịch sử chính trị, rất ít quan tâm tới những chi tiết lịch sử phát triển theo chiều ngang và những diễn tiến của lịch sử kinh tế. Lê Quý Đôn, một học giả nổi tiếng thời Hậu Lê của Việt Nam từng phê bình lối chép sử như vậy. Ông cho rằng sử

sách chép theo lối biên niên thì đơn giản, trang nhã, nhưng thường có rất nhiều sự thật lịch sử lại bị mờ nhạt, chẳng hạn như "những việc thuộc chi tiêu, thuế má, tiền tệ", sử cũ chép "mười không được một" (16). *Ba là*, đứng về phía khách quan mà nói, triều Đinh thuộc thời kỳ mới khai sáng của vương triều phong kiến độc lập Việt Nam giai đoạn Trung cổ, chế độ nhà nước khá đơn giản, thời gian thống trị ngắn ngủi, việc phát hành đồng tiền đúc kém xa thời Lý - Trần sau đó về lượng lưu thông cũng như về thời gian lưu thông, cho nên ảnh hưởng của nó đến với sử gia khi biên soạn lịch sử cũng rất hạn chế.

2. Kiểu mẫu, số lượng và ảnh hưởng của tiền đúc cổ triều Đinh - Lê

Cũng giống như Trung Quốc, Nhật Bản, thời phong kiến Việt Nam có một thời kỳ dài sử dụng đồng tiền kim loại, ngay cả kỹ thuật đúc, phương pháp đúc, cách đọc văn tự ở trên đồng tiền cũng đều giống nhau hoặc na ná như nhau. Trong sử sách, việc đúc tiền và những sự việc liên quan cũng được chép khá nhiều, hình thành nên văn hóa tiền tệ. Nhưng sử sách Việt Nam ghi chép nhiều nhất là tiền đúc triều Lý - Trần và các triều đại sau đó. Những bộ chính sử của Việt Nam do nhà nước phong kiến biên soạn rất có ảnh hưởng, như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* v.v... đều không chép gì về tiền đúc triều Đinh, còn chép về tiền đúc thời Tiền Lê cũng lại rất sơ sài. Thời kỳ sau này, ở Việt Nam xuất hiện một số sách vở có nói đến đồng tiền đúc. Chẳng hạn, trong bộ *Lịch triều hiến chương loại chí - Quốc dụng chí* của học giả nổi tiếng triều

Nguyễn là Phan Huy Chú, có một tiết đoạn *Tiền tệ chi dụng* (việc sử dụng đồng tiền đúc), giới thiệu sơ qua về tiền đúc các triều đại Việt Nam, nhưng trước tiên nói đến *Minh Đạo tiền* triều Lý, sau đó kể về *Đại Trị thông bảo* triều Trần, không hề nhắc gì đến tiền đúc triều Đinh - Lê (17). Các học giả Việt Nam hiện nay nghiên cứu tiền đúc triều Đinh - Lê, chủ yếu dựa vào cách này cách nọ, đặc biệt là dựa vào vật thực tiền tệ do khảo cổ khai quật, thu thập được. Đó là cơ sở quan trọng nhất. Nhưng đồng thời cũng phải thừa nhận rằng, những ghi chép của Hồng Tuân trong *Tuyên chí* được ông biên soạn ở thế kỷ XII có thể cung cấp cho nghiên cứu của hiện nay những chứng cứ bằng tài liệu văn hiến hãn hoi.

Nghiên cứu tiền đúc triều Đinh - Lê của học giả Việt Nam rất lớn, tiêu biểu là Đỗ Văn Ninh và Phạm Quốc Quân, Nguyễn Đình Chiến v.v... Đầu năm 90 của thế kỷ XX, Đỗ Văn Ninh đã công bố 3 kiểu mẫu đồng tiền triều Đinh, xếp theo thứ tự từ 1 đến 3 và hai kiểu mẫu đồng tiền triều Tiền Lê, xếp theo thứ tự từ 4 đến 6. Gần đây, Phạm Quốc Quân, Nguyễn Đình Chiến công bố kết quả nghiên cứu hai đồng *Thái Bình hưng bảo* đúc vào triều Đinh và *Thiên Phúc trấn bảo* đúc vào triều Tiền Lê (18). Chúng tôi dựa vào ghi chép của Hồng Tuân, liệt kê kiểu mẫu 4 đồng tiền đúc triều Đinh và 2 kiểu mẫu đồng tiền đúc triều Tiền Lê và đối chiếu so sánh chúng với thành quả nghiên cứu của các học giả Việt Nam hiện nay.

Bốn kiểu mẫu đồng tiền đúc triều Đinh và đặc trưng của chúng thấy chép trong *Tuyên chí* (Xem bảng 1).

Bảng 1

Số thứ tự kiểu mẫu	Tên gọi theo cách của Hồng Tuân	Chữ ở mặt đồng tiền	Thể chữ cách đọc	Vị trí chữ ở lưng đồng tiền	Đường kính	Trọng lượng	Chỗ ghi chép
1	Đại Hưng tiền 1	Thái Hưng bình bảo (lẽ ra phải đọc là Thái Bình hưng bảo)	<ul style="list-style-type: none"> • Thể chữ Khải ngay ngắn. • Đọc vòng (lẽ ra phải đọc chéo) 	Chữ Đinh ở trên lỗ	8 phân	4 thù	Quyển 7, những đồng tiền không biết niên đại
2	Đại Hưng tiền 2	Thái Hưng bình bảo (lẽ ra phải đọc là Thái Bình hưng bảo)	<ul style="list-style-type: none"> • Chữ Khải ngay ngắn • Đọc vòng (lẽ ra phải đọc chéo) 	Chữ Đinh ở dưới lỗ	8 phân	4 thù	Quyển 7, những đồng tiền không biết niên đại
3	Thái Bình tiền	Thái Hưng bình bảo (lẽ ra phải đọc là Thái Bình hưng bảo)	<ul style="list-style-type: none"> • Chữ Khải ngay ngắn • Đọc vòng (lẽ ra phải đọc chéo) 	Không chép	Không chép	Không chép	Quyển 7, những đồng tiền không biết niên đại
4	Thái Thiên tiền	Thái Bình thông bảo. Hai chữ "Thông bảo" đặt lộn ngược	<ul style="list-style-type: none"> • Chữ Khải ngay ngắn • Đọc chéo 	Chữ Đinh ở bên phải lỗ, ở sau lưng chữ "thông"	8 phân	3 thù 6 tham	Quyển 7, dưới những đồng tiền không biết niên đại

Có thể nói, căn cứ vào đặc điểm văn tự ở lưng tiền có chữ Đinh hay không, ta có thể chia đồng tiền Thái Bình hưng bảo mà Hồng Tuân ghi chép thành hai loại. Một loại là *Đại Hưng tiền 1*, *Đại Hưng tiền 2* với *Thái Bình hưng bảo* kiểu mẫu số 1, 3 do Đỗ Văn Ninh công bố và *Thái Bình hưng bảo* loại thứ 2 do Phạm Quốc Quân, Nguyễn Đình Chiến công bố, về cơ bản có thể cho rằng thuộc một loại, đặc trưng cơ bản chung của chúng là có chữ "Đinh ở lưng tiền". Phạm Quốc Quân, Nguyễn Đình Chiến cho rằng, căn cứ vào vị trí chữ Đinh, loại lớn này lại có thể chia ra 4 loại nhỏ: chữ Đinh ở trên lỗ, chữ Đinh ở dưới lỗ, chữ Đinh ở phía phải lỗ, chữ Đinh ở phía phải lỗ nhưng lộn ngược. Đồng thời, hai tác giả

còn nêu ra rằng, nhưng dù vị trí chữ Đinh ở lưng tiền như nhau đi chăng nữa, thì mặt trước của chúng vẫn có chỗ để phân biệt chúng, "đó là do chúng được đúc theo những khuôn mẫu khác nhau", dường như đã cho rằng loại tiền này cũng có nhiều kiểu mẫu khác nhau. Một loại nữa là *Thái Hưng tiền*, loại này đại thể cùng loại với *Thái Bình hưng bảo* kiểu mẫu số 2 do Đỗ Văn Ninh công bố và *Thái Bình hưng bảo* loại thứ nhất do Phạm Quốc Quân, Nguyễn Đình Chiến công bố. Phạm Quốc Quân và Nguyễn Đình Chiến cho biết, loại tiền này đường kính khoảng 2,35m, độ dày khoảng 1mm, trọng lượng khoảng 2,2 gr. Nếu phân tích thật chi li, từ thể chữ cho đến nét chữ, mặt nào cũng có thể nhận ra nhiều điểm

khác nhau, cũng dường như cho rằng loại tiền này cụ thể còn có các kiểu mẫu không giống nhau.

Ngoài hai loại *Thái Bình hưng bảo* nói ở trên, đáng chú ý là *Thái Thiên tiền*, tức *Thái Bình thông bảo* mà Hồng Tuân đã chép trong tác phẩm của ông. Hồng Tuân vốn lúc đầu lấy "Thái Thiên thông bảo" để ghi văn tự ở mặt đồng tiền, nhưng sau đó, qua khảo chứng, ông cho rằng chữ "thiên" nghi là chữ "bình", do lâu ngày chữ bị mòn". Nhà tuyên học đời Thanh cho rằng "bỏ chữ "thiên" thay vào chữ "bình", ý kiến rất hay, nghĩa chữ "Đình" chưa được biết. Nhưng vì vậy càng tin rằng "Thái Hưng" là "Thái Bình" rồi đấy" (19). Như vậy có nghĩa là, Hồng Tuân ghi chép mô tả đồng *Thái Thiên tiền*, người đời Thanh cũng đã từng khảo chứng, bàn bạc, nhưng đều không lí giải được hàm nghĩa chữ "Đình", không biết đồng tiền này ở đâu ra. Chúng tôi cho rằng, đồng tiền này cũng được triều Đình cho đúc ra, là một kiểu mẫu riêng khác với đồng *Thái Bình hưng bảo*. Lý do gồm mấy điểm

nhà Đình, Đình được dùng để ghi quốc hiệu. *Thứ hai*, Hồng Tuân cho rằng, mấy chữ trên đồng tiền này "về thể chữ rất giống với *Thái Hưng bình bảo tiền*", như vậy dường như ông đã coi đồng tiền này cùng loại với *Thái Bình hưng bảo*, cũng tức là đứng về mặt thể chữ mà nói, *Thái Bình thông bảo* với *Thái Bình hưng bảo* do nhà Đình đúc rất giống nhau, phải cùng thuộc những đồng tiền được đúc thời nhà Đình. Ba là, đường kính của đồng tiền này dài 8 phân, nặng 3 thù 7 tham, cũng rất gần với kích cỡ to nhỏ, trọng lượng nặng nhẹ của đồng tiền *Thái Bình hưng bảo* được đúc vào triều Đình. Vì vậy, chúng tôi nghĩ rằng triều Đình không những đúc tiền *Thái Bình hưng bảo* với nhiều kiểu mẫu mà còn đúc cả tiền *Thái Bình thông bảo* nữa.

Hai kiểu mẫu tiền tệ triều Tiên Lê chép trong *Tuyên chí* và đặc trưng của nó (Xem bảng 2).

Đỗ Văn Ninh đã công bố tiền đúc triều Tiên Lê với ba kiểu mẫu, trong đó chữ mặt

Bảng 2

Số thứ tự kiểu mẫu	Tên gọi theo cách của Hồng Tuân	Chữ ở mặt đồng tiền	Thể chữ cách đọc	Vị trí chữ ở lưng đồng tiền	Đường kính	Trọng lượng	Chỗ ghi chép
1	Tiền có chữ Lê của nước Giao Chỉ	Chữ Lê ở phía dưới lỗ	Chữ Khải ngay ngắn	Không có	Không chép	Không chép	Quyển 11, trong phần những đồng tiền nước ngoài
2	Thiên Trấn tiền	Thiên Trấn phúc bảo (lê ra phải đọc là Thiên Phúc trấn bảo)	<ul style="list-style-type: none"> Chữ Khải ngay ngắn Đọc vòng (lê ra phải đọc chéo) 	Chữ Lê ở phía trên lỗ	8 phân	4 thù 6 tham	Quyển 7, trong phần những đồng tiền không biết niên đại

như sau: *Thứ nhất*, Hồng Tuân chép rõ phía phải lỗ đồng tiền có chữ Đình, vị trí cụ thể là ở phía sau lưng chữ thông của mặt tiền, đó là dấu hiệu của tiền đúc triều đại

đồng tiền số 4 đọc chéo "Thiên Phúc trấn bảo", chữ Lê ở phía trên lỗ và lưng đồng tiền, nó cùng một kiểu mẫu với đồng tiền *Thiên Trấn tiền* mà họ Hồng ghi chép; mặt

đồng tiền số 6 không có chữ, lưng tiền có chữ Lê phía dưới lỗ, đồng này có khả năng thuộc cùng một kiểu mẫu với đồng tiền có chữ Lê mà họ Hồng ghi chép được. Trước Đỗ Văn Ninh, học giả phương Tây Edward Toda cũng đã từng giới thiệu hai đồng tiền thời Tiền Lê, về kiểu mẫu cơ bản giống với hai đồng vừa nói trên đây do Đỗ Văn Ninh công bố. Và học giả này cho rằng, đưa chữ "trấn" vào văn tự của đồng tiền, là vì An Nam là khu vực hành chính, từng bị gọi là "trấn", cho nên có tên như vậy (20). Nghiên cứu của Phạm Quốc Quân và Nguyễn Đình Chiến cho rằng "Thiên Phúc trấn bảo đã được phát hiện có rất nhiều kiểu mẫu khác nhau, chắc chắn là trước sau có nhiều lần đúc tiền". Hai học giả Phạm, Nguyễn còn nói rằng, chữ "trấn" đưa vào văn tự đồng tiền "cũng là một sáng tạo của triều Tiền Lê" (21). Về hàm nghĩa chữ "trấn" chúng tôi đã giải thích ở phần trên của bài viết này. Ngoài đồng tiền có chữ Lê, các học giả Việt Nam còn công bố tiền đúc triều Tiền Lê chỉ có chữ *Thiên Phúc trấn bảo* ở mặt tiền mà không có chữ Lê ở lưng tiền. Những điều này chứng tỏ kiểu mẫu tiền đúc triều Tiền Lê rất nhiều, hai loại đồng tiền có chữ Lê mà họ Hồng ghi chép đích thực là tiền đúc triều Tiền Lê.

Trong sử sách của Trung Quốc và Việt Nam, khó có thể phát hiện những sử liệu chi tiết nói về triều Đinh - Lê có hay không những cơ cấu kiểu như để giám sát việc đúc tiền và số tiền đã đúc là bao nhiêu. Nhưng những ghi chép của Hồng Tuân về những đồng tiền đúc thời xưa của Việt Nam với nhiều kiểu mẫu khác nhau, và qua nghiên cứu khảo chứng của người đời sau, chúng ta có thể suy đoán dưới triều Đinh - Lê có rất nhiều lần đúc tiền, số lượng tiền đúc không phải là ít, cũng có nhiều đồng tiền lưu lạc sang Trung Quốc (22). Cho nên, Hồng Tuân nói rằng *Đại*

Hưng tiền có chữ Đinh ở lưng tiền và *Thiên Trấn tiền* có chữ Lê "đời nay thấy rất nhiều".

Chúng tôi cho rằng, việc triều Đinh - Lê phát hành tiền đúc, sử dụng quyền đúc tiền riêng, có ý nghĩa to lớn và ảnh hưởng sâu xa.

Thứ nhất, đánh dấu sự hoàn thiện chủ quyền quốc gia phong kiến Việt Nam và tạo cơ sở cho sự phát triển chế độ tiền tệ của các vương triều phong kiến Việt Nam sau đó. Quyền độc lập đúc tiền riêng là một phần của chủ quyền quốc gia phong kiến Việt Nam. Trước triều đại nhà Đinh, tiền lưu thông ở vùng đất Việt Nam chủ yếu là tiền đúc do vương triều phong kiến trung ương Trung Quốc phát hành. Những đồng tiền từ đời Hán đến đời Đường được phát hiện ở Việt Nam khá nhiều. Đặc biệt đồng tiền Khai Nguyên thời Đường được thấy nhiều nhất. Hậu kỳ nhà Đường và thời gian Ngũ Đại Thập Quốc, theo đà một độ suy vi của chế độ trung ương tập quyền phong kiến, các thế lực cát cứ ở các địa phương rầm rộ đúc tiền, hình thành một thời kỳ đúc tiền hỗn loạn nhất trong lịch sử tiền tệ Trung Quốc. Việt Nam cũng đã phát hiện mẫu đá tiền đồng Khai Nguyên ở vùng phụ cận Thành phố Thái Nguyên (23). Điều này rất có thể là một biểu hiện chứng tỏ Việt Nam đã bắt chước chế độ đúc tiền triều Đường. Còn Việt Nam tự thân phát hành tiền tệ, bắt đầu hành sử quyền đúc tiền riêng và hình thành chế độ tiền tệ độc lập ổn định là việc sau triều Đinh - Lê, phản ánh quá trình dần dần ổn định và phát triển của quốc gia phong kiến độc lập. Từ triều Đinh trở về sau, mãi tới triều Nguyễn thế kỷ XIX, các vương triều phong kiến Việt Nam đều phát hành tiền tệ, chế độ tiền tệ của thời kỳ kinh tế phong kiến mà tiền đồng là chủ thể được thực thi hơn ngàn năm lịch sử.

Thứ hai, thích ứng với phát triển kinh tế xã hội phong kiến Việt Nam và nhu cầu hoạt động trao đổi thương nghiệp. Có người cho rằng, thời kỳ đầu khi triều Đinh mới thành lập, kinh tế thương nghiệp của một số vùng đã khá phát triển, trở thành cơ sở để Đinh Bộ Lĩnh dẹp tan các thế lực cát cứ phong kiến, thống nhất vùng đất An Nam (24). Cũng có một vài học giả Việt Nam nhấn mạnh, mặc dầu thủ công nghiệp thương nghiệp đã và đang phát triển, nhưng nền sản xuất của Việt Nam ở thế kỷ thứ X còn hạn chế trong phạm vi làng xã và khu vực nhỏ, chủ yếu là để tiêu dùng, ít để trao đổi (25). Chúng tôi cho rằng, xã hội phong kiến về chính thể, thuộc tính chất kinh tế tự nhiên, nhưng thực ra không phải chưa có sự phát triển của thương nghiệp và trao đổi. Chỉ cần có trao đổi thương nghiệp thì sẽ có nhu cầu vật trung gian ngang giá, tiền tệ. Từ lịch sử Việt Nam, nhận thấy rằng, trải qua hàng ngàn năm Bắc thuộc, kinh tế - xã hội phong kiến Việt Nam đến thế kỷ thứ X đã có cơ sở nhất định; đồng thời do có lợi thế về vị trí địa lý, Việt Nam cũng đã có vị trí nhất định trong giao thiệp với Đông Tây, buôn bán với nước ngoài bao gồm cả con đường tơ lụa trên biển, hoạt động trao đổi thương nghiệp đã phát triển đến một trình độ nhất định. Triều Đinh - Lê bắt đầu phát hành tiền tệ riêng, đó chính là nhu cầu và là một trong những biểu hiện chứng tỏ nền kinh tế-xã hội phong kiến Việt Nam phát triển.

Thứ ba, chứng minh rằng Việt Nam ở thế kỷ X đã nắm vững kỹ thuật đúc tiền kim loại, đồng thời uốn nắn những thiên kiến và hiểu lầm của một số học giả Trung Quốc đời Tống. Trên mảnh đất Việt Nam đã từng có một thời kỳ dài lưu hành tiền đúc chính thức của các triều đại Trung Quốc. Sau khi Việt Nam xây dựng vương

triều phong kiến độc lập, tiền đồng của đời Đường đời Tống vẫn còn lưu thông ở Việt Nam rất nhiều. Do tình hình khách quan đó, thêm nữa là nhân sĩ trí thức đời Tống hiểu biết về Việt Nam rất hạn chế, dẫn đến việc một số học giả nổi tiếng và trước tác của họ, chẳng hạn như Phạm Đại Thành với *Quế Hải ngu hoành chí*, Chu Khứ Phi với *Lĩnh ngoại đại đáp*, Triệu Nhữ Quát với *Chư phiên chí* v.v..., đều chưa đề cập đến tiền đúc triều Đinh - Lê. Phạm Đại Thành và một vài người nữa còn cho rằng, trước và sau thế kỷ XII Việt Nam vẫn "chưa đúc được tiền, chuyên dùng tiền lẻ của Trung Quốc, tiền đó đều do khách buôn xì ra" (26) Kỳ thực, đến cuối thế kỷ thứ X, vương triều phong kiến Việt Nam đã nắm vững kỹ thuật đúc tiền đồng, bắt đầu đúc tiền một cách độc lập. Mặc dù kỹ thuật đúc tiền dưới triều Đinh - Lê hãy còn thô sơ, mặt tiền chưa thật phẳng, khuôn tiền chưa thật cân đối, nhưng hoàn toàn không giống như các học giả Trung Quốc đời Tống từng nhận xét là Việt Nam chưa đủ khả năng đúc tiền.

Thứ tư, tăng thêm công cụ trao đổi mới cho buôn bán ở biên giới Trung - Việt. Sau khi vương triều phong kiến độc lập Việt Nam ra đời, không những nhanh chóng thiết lập và duy trì quan hệ láng giềng với vương triều Bắc Tống và Nam Tống, về chính trị qua lại nhộn nhịp, mà còn không ngừng phát triển quan hệ mậu dịch giữa hai bên. Thời kỳ Lương Tống, có khá nhiều sử liệu ghi chép giao dịch buôn bán với nhau qua đường biên giữa hai nước Trung - Việt. Chu Khứ Phi miêu tả tình hình "hợp chợ" lúc bấy giờ: "Người Giao Châu hàng ngày đưa các loại hương liệu có tiếng, sừng tê giác ngà voi, bạc, muối, tiền, sang đổi lấy gấm vóc lụa là của thương nhân nước ta rồi về" "Người Giao Châu" sang Khâm Châu

buôn bán, "những thứ họ bán là bạc, tiền đồng, trầm hương" (27) v.v... Họ Chu nhiều lần nhắc đến tiền đồng mà "người Giao Châu" sử dụng để buôn bán trao đổi là tiền Trung Quốc hay tiền Việt Nam? Ông ta không nói rõ. Chúng tôi suy đoán, tiền lưu thông trong buôn bán qua đường biển Trung Việt vừa có tiền Trung Quốc vừa có

tiền Việt Nam bao gồm tiền đúc triều Đinh - Lê phát hành. Chính vì vậy, Hồng Tuân mới nhìn thấy rất nhiều tiền chữ Đinh và tiền chữ Lê, ông ta còn nói có cả thương nhân nước ngoài sang Giao Châu buôn bán, đem về Quảng Châu rất nhiều tiền chữ Lê, ảnh hưởng đến chế độ tiền tệ của Trung Quốc.

CHÚ THÍCH

(1). Đỗ Văn Ninh: *Tiền cổ Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, tr. 30.

(2). *Tiền kim loại Việt Nam* xuất bản gần đây, lấy vật thực làm cơ sở, tranh ảnh và giải thích đầy đủ, sưu tập phong phú, khảo chứng khá rõ ràng, nhưng khi mô tả tiền đúc thời Đinh - Lê, chỉ có hai chỗ từ văn dịch tiếng Anh đã gián tiếp dẫn sử liệu trong *Tuyên chí* của Hồng Tuân, nhưng đã nhầm tên sách *Tuyên chí* thành *Tiền chí*. Xem Phạm Quốc Quân, Nguyễn Đình Chiến...: *Tiền kim loại Việt Nam*, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Hà Nội, 2005, tr. 13.

(3), (4). Hồng Tuân: *Tuyên chí*, quyển 7, Bất tri niên đại phẩm, thượng.

(5), (7). Hồng Tuân: *Tuyên chí*, quyển 7, Bất tri niên đại phẩm, hạ.

(6). Hồng Tuân: *Tuyên chí*, quyển 11, Bất tri niên đại phẩm, trung.

(8). Hồng Tuân: *Tuyên chí*, quyển 5, Ngụy phẩm, hạ.

(9). Đới Chấn Huy: *Ngũ Đại hóa tệ chế độ*, đăng trong *Thực hóa*, quyển 2, số 2, tháng 6 năm 1935.

(10). Trình Hiểu Trung: *An Nam tiền tệ thiển thích*, đăng trong *Trung Quốc tiền tệ*, số 3-1985.

(11). Đới Khả Lai, Vu Hương Đông: *Thí luận Việt Nam sơ thủy đích trừ tiền*, đăng trong *Trình Châu đại học học báo*, số 2-1992.

(12). Trương Tú Dân: *Việt Nam cổ tệ thuật lược* đăng trong *Học thuật luận đàn*, số 3, năm 1981. Trương Tú Dân là học giả tiền bối rất nổi tiếng, có nhiều thành tựu nghiên cứu lịch sử quan hệ Trung - Việt, nhưng khi nói về tiền đúc thời Tiền Lê thì ông quá tin vào những ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư*.

(13). Thái Vân: *Tịch đàm*, khuyết danh: *Tiền tệ khảo*, quyển hạ.

(14), (19). Khuyết danh: *Tiền tệ khảo*, quyển hạ.

(15). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỷ, quyển 1, Lê kỷ; *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* Chính biên, quyển 1.

(16). Lê Quý Đôn: *Đại Việt thông sử*, ghi ở đầu sách: *Tác sử chỉ yếu*.

(17). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, quyển 30.

(18), (21). Phạm Quốc Quân, Nguyễn Đình Chiến: Lời nói đầu, Sdd, tr. 14-15, 15.

(20). Edward Toda, *Annam and its minor Currency*, East Asia Journal, No - 6 Second Quarter 1983.

(22) Thời kỳ cuối thế kỷ XX, ở Triết Giang Trung Quốc đã phát hiện đồng tiền Thiên Phúc trấn bảo có chữ Lê ở lưng tiền. Có học giả khảo chứng là tiền đúc của Việt Nam. Xem Hoàng Nhất Nghĩa: *Thiên Phúc trấn bảo vị Việt Nam tiền*, đăng trong *Tạp chí Khảo cổ*, số 11, năm 1983.

(23) Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam: *Lịch sử Việt Nam*, Bản dịch Trưng văn, Nxb. Nhân dân Bắc Kinh, 1977, tr. 125.

(24): K.W.Taylor, *The Birth of Vietnam*, University of California Press, 1983, pp 277 - 278.

(25) Xem Nguyễn Danh Phiệt: *12 sử quân và sự nghiệp thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh* đăng trong *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 1-1986.

(26) Phạm Thành Đại: *Quế Hải ngụ hành chí*, xem *Văn hiến thông khảo*, quyển 330, *Tứ duệ khảo* có 7 chỗ dẫn. Trong *Thiệu Châu kỷ lược* của Trịnh Tùng, một người vào thế kỷ XIII vâng sắc chỉ kinh lược Quế Lĩnh, cũng có ghi chép giống như vậy. Xem *Trình Khai Dương tạp trữ* quyển 6, phụ sau *An Nam đồ thuyết*.

(27) Chu Khứ Phi: *Lĩnh ngoại đại đáp*, quyển 5.